

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **93/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 30/9/2021

“V/v: Ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng và ông Nguyễn Sơn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 412/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 về việc “*ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 (*vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt*)

- Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1981 (*vắng mặt tại phiên tòa*).

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L. và anh Trần Văn D. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 14/7/2007. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu bình thường, hạnh phúc. Sau đó đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn có đánh cãi chửi nhau. Tháng 6/2021 chị Nguyễn Thị L. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn D.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Loan trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc khoảng 10 năm. Đến năm 2017 anh D. chơi bời đánh bạc nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có đánh cãi chửi nhau. Từ năm 2020 đến nay anh D. có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác về đánh chửi chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn D.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Anh D1, sinh ngày 06/02/2007 và cháu Trần Ngọc D2, sinh ngày 07/3/2008 hiện đang ở tại nhà chung của anh D. và chị L. tại Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị L. có quan điểm khi ly hôn đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các cháu.

Tại biên bản ghi ý kiến con chung chưa thành niên thể hiện cháu Trần Anh D1, và cháu Trần Ngọc D2. cùng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị L.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị L. không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Trần Văn D. có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh D. và chị Nguyễn Thị L. kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S. theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu bình thường. Năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, có đánh cãi chửi nhau. Chính quyền địa phương chưa được hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Hiện tại anh D. đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, khi đi không báo chính quyền, không làm thủ tục khai báo tạm trú, tạm vắng.

Anh Trần Văn D. hiện đang đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương, không xác định được địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương không triệu tập được anh D. đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị L. và anh Trần Văn D. kết hôn vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S. là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường sau phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị L. được ly hôn với anh Trần Văn D.; về con chung: Đề nghị giải quyết giao cháu Trần Anh D1, sinh ngày 06/02/2007 và cháu Trần Ngọc D2, sinh ngày 07/3/2008 cho chị Nguyễn Thị L. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị L. không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị L. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn D. và giao nuôi con chung khi ly hôn, không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ kết quả xác minh thể hiện bị đơn anh Trần Văn D. có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, hiện nay anh D. đi làm ăn ở Quảng Ngãi, không xác định được địa chỉ cụ thể. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh D. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L. vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn D. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L. và anh Trần Văn D. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 14/7/2007 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng bình thường, thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2017 thì mâu thuẫn diễn ra trầm trọng, vợ chồng đánh cãi chửi nhau. Tháng 6/2021 chị Nguyễn Thị L. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn D.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Nguyễn Thị L. và anh Trần Văn D. thời gian đầu bình thường, sau phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị L. được ly hôn với anh Trần Văn D.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L. và anh Trần Văn D. có 02 con chung là cháu Trần Anh D1, sinh ngày 06/02/2007 và cháu Trần Ngọc D2, sinh ngày 07/3/2008 hiện hai cháu đang ở cùng chị L. tại Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình giải quyết chị L. có quan điểm đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các cháu.

Xét thấy, cháu Trần Anh D1. và cháu Trần Ngọc D2. là con chung của chị Nguyễn Thị L. và anh Trần Văn D. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Từ ngày anh D. đi làm ăn xa thì hai cháu ở với mẹ. Do hiện tại anh D. không có mặt ở địa phương, cháu D1 và cháu D2 đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, cần giao cháu Trần Anh D1, sinh ngày 06/02/2007 và cháu Trần Ngọc

D2, sinh ngày 07/3/2008 cho chị Nguyễn Thị L. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh D. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L. được ly hôn với anh Trần Văn D.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Anh D1, sinh ngày 06/02/2007 và cháu Trần Ngọc D2, sinh ngày 07/3/2008 cho chị Nguyễn Thị L. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Trần Văn D. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003975 ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị L. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến

